

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v quy định mức thu phí bảo vệ môi trường  
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22/3/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định 67/2003/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06/9/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Liên Bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư liên tịch số 107/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 26/7/2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 và Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06/9/2007 hướng dẫn về Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;



Xét Tờ trình số 34 /TTr-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 29/6/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh như sau:

### 1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt bao gồm:

- Hộ gia đình;
- Cơ quan nhà nước;
- Đơn vị vũ trang nhân dân;
- Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân;
- Các cơ sở rửa ô tô, xe máy;
- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác;

- Các đối tượng khác có nước thải sinh hoạt không thuộc đối tượng nêu trên.

b) Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội.

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch và chưa có hệ thống nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã vùng nông thôn bao gồm:

+ Các xã biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, vùng cao, vùng sâu, vùng xa).

+ Các xã không thuộc đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV, V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

### 2. Mức thu phí:

a) Đối với hộ gia đình, đơn vị, tổ chức sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước của đơn vị kinh doanh nước sạch:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 8% (tám phần trăm) trên tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

b) Đối với hộ gia đình, đơn vị, tổ chức sử dụng nước tự khai thác:

- Hộ gia đình (không sản xuất kinh doanh): 4.000 đồng/tháng;

- Hộ gia đình (có sản xuất kinh doanh): 20.000 đồng/tháng;
- Các đơn vị, tổ chức (không sản xuất kinh doanh): 20.000 đồng/tháng;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: 50.000 đồng/tháng.

### 3. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được

Đối với đơn vị thu phí: Được để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí. Phần phí còn lại (90%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có đối tượng thu phí nước thải sinh hoạt thuộc trường hợp tự khai thác để sử dụng: Được để lại 15% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí. Phần phí còn lại (85%) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được trích để lại theo quy định trên đây, đơn vị thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định, cuối năm nếu chưa chi hết thì được chuyển sang năm sau để chi theo chế độ quy định.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 26/2006/NQ-HĐND ngày 11/05/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2012.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư Pháp;
- TT. Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: TC, TP, Cục thuế, Kho bạc tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Trưởng, Phó P.Ct HĐND. *110*

**CHỦ TỊCH**



**Niê Thuật**

